

Khu BTTN Bãi Bồi

Tên khác

Ông Tráng

Tỉnh

Cà Mau

Tình trạng

Đề xuất

Ban quản lý được thành lập

Chưa thành lập

Vĩ độ

8°38' - 8°47' vĩ độ Bắc

Kinh độ

104°45' - 104°54' kinh độ Đông

Vùng địa lý sinh học

05a - Châu thổ Sông Mê Kông



Tình trạng bảo tồn

Bãi Bồi hiện là khu rừng phòng hộ ven biển với mục đích phòng chống xói lở bờ biển và bảo vệ các vùng đảo tránh được lũ lụt và các tác động xấu của thời tiết. Diện tích chính thức của khu phòng hộ là 8.555 ha, nhưng diện tích theo các bản đồ hiện nay chỉ thể hiện là 5.525 ha. Vùng mở rộng rất khó xác định bởi sự bồi đắp và sự phát triển liên tục các bãi bồi, trong đó có ranh giới khu phòng hộ thường được mở rộng ra phía biển. Diện tích khu phòng hộ tăng lên do bồi đắp các bãi bồi (Buckton và cộng sự 1999). Ban quản lý khu rừng phòng hộ ven biển Bãi Bồi được thành lập trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Cà Mau.

Trên cơ sở kết quả của dự án xác định các khu vực trọng yếu bảo tồn đất ngập nước ở Đồng bằng sông Cửu Long, Tổ chức BirdLife Quốc tế và Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật đã có khuyến nghị nên chuyển khu rừng phòng hộ ven biển Bãi Bồi thành Khu bảo tồn thiên nhiên với tổng diện tích 5.525 ha (Buckton và cộng sự 1999). Bãi Bồi đã được đưa vào danh sách các khu rừng đặc dụng Việt Nam quy hoạch đến năm 2010 do Viện Điều tra Quy hoạch Rừng và Cục Kiểm lâm xây dựng (Cục Kiểm lâm 2000). Trong hệ thống này, Bãi Bồi được sát nhập với Khu bảo tồn thiên

nhiên Đất Mũi với tổng diện tích của hai khu vực gộp lại sẽ là 10.000ha.

Địa hình và thủy văn

Khu bảo tồn thiên nhiên đề xuất Bãi Bồi ở phía đông bán đảo Cà Mau. Khu vực này gồm hàng loạt các hệ thống ao đầm canh tác thủy sản, ưu thế của rừng ngập mặn đang được phục hồi trở lại. Khu vực nằm cạnh cửa Sông Lớn, tại cửa sông này có 2 hòn đảo (Cồn Trong và Cồn ngoài) được hình thành do sự bồi đắp của quá trình lắng đọng. Về phía bắc khu vực là cửa sông Bấy Hạp, đây là một trong những con sông lớn nhất tỉnh Cà Mau.

Đa dạng sinh học

Khu bảo tồn thiên nhiên đề xuất Bãi Bồi tiếp giáp với Khu bảo tồn thiên nhiên Đất Mũi về phía nam. Cả hai khu vực đều có các bãi bồi ngập triều và rừng ngập mặn. Đặc điểm này tạo ra một sinh cảnh quan trọng đối với các loài chim nước di cư (Buckton *et al* 1999). Bãi Bồi và Đất Mũi là vùng trú chân quan trọng của các loài chim nước di cư của vùng Đông á - Châu úc trước khi vượt qua Vịnh Thái Lan đến bán đảo Malaysia và Indonesia.

Rừng ngập mặn trên các bãi bồi thường có các loài ưu thế thuộc chi Mắm *Avicennia* spp. trải qua các thời kỳ diễn thế khác nhau như: Từ rừng non trên các bãi bồi mới nổi xa bờ đến rừng trung niên và rừng thành thực về phía sâu trong đất liền. Trên các đảo Cồn Trong và Cồn Ngoài tại cửa sông Bảy Háp, thảm thực vật chính thường là rừng ngập mặn hỗn giao giữa các loài thuộc các chi Đước *Rhizophora* và Mắm *Avicennia*. Ở những nơi bùn mới lắng đọng, đất còn mềm, các loài như Mắm ỏ *Avicennia marina* và Mắm trắng *A. alba* là những loài ưu thế, chỉ có số ít cây thuộc loài Đước *Rhizophora apiculata* mọc rải rác. Ven bờ các hòn đảo sự ưu thế của Đước tăng lên, ngược lại loài Mắm giảm xuống (Buckton và cộng sự 1999).

Sự đa dạng của các bãi bồi và diện tích rừng ngập mặn tái sinh tạo ra các sinh cảnh lý tưởng cho các loài chim nước di cư như Diệc, Cò, Hải âu, Nhàn. Các loài chim đang bị đe dọa hoặc sắp bị đe dọa ở mức toàn cầu đã ghi nhận cho Bãi Bồi như Cò trắng trung quốc *Egretta eulophotes*, Choắt chân màng lớn *Limnodromus semipalmatus* và Choắt mỏ cong hông nâu *Numenius madagascariensis*. Nhàn đen *Chlidonias hybridus* và Nhàn caspia *Sterna caspia* xuất hiện với số lượng lớn. Năm 1999 đã quan sát thấy một bãi đậu trên một nghìn cá thể của các loài Cò *Egretta* spp. và Cốc đen *Phalacrocorax niger*, nhưng không thấy có dấu hiệu sinh sản (Buckton và cộng sự 1999).

Khu hệ chim ở đây ưu thế bởi các loài chim phổ biến ở rừng ngập mặn như: Chích bông *Orthotomus ruficeps*, Chích bụng vàng *Gerygone sulphurea*, Vành khuyên họng vàng *Zosterops palpebrosa* và Rẻ quạt *Rhipidura javanica*. Một vài cá thể Diều lửa *Haliastur indus* đã được ghi nhận ở Bãi Bồi năm 1999, đây là dấu hiệu đáng chú ý bởi vì loài này đang bị suy giảm nghiêm trọng ở khắp nơi trong vùng phân bố của chúng ở Đông Nam á (Lekagul và Round 1991; Van Balen *et al.* 1993; Thewlis và cộng sự 1998, Buckton *et al.* 1999).

Các vấn đề về bảo tồn

Hiện nay khu vực chưa bị tác động mạnh bởi các hoạt động của con người. Hoạt động khai thác rừng ngập mặn rất ít, chỉ thấy một số ngư dân trong khu vực. Quá trình bồi tụ đang tiếp tục diễn ra, nơi trú ngụ và bãi ăn của các loài chim nước gia tăng. Mối đe dọa tiềm tàng đối với sinh cảnh Bãi Bồi là nếu khu vực vẫn là khu phòng hộ bờ biển thì các bãi bồi ngập triều có thể sẽ được trồng rừng với mục đích phòng hộ bờ biển. Các hoạt động này sẽ không thích hợp với việc bảo tồn đa dạng sinh học do mất sinh cảnh quan trọng đối với các loài chim nước. Bởi vậy, tốt nhất là nên chuyển khu vực này thành Khu bảo tồn thiên nhiên nhằm thực thi các phương thức quản lý phù hợp với bảo tồn đa dạng sinh học. Buckton *et al.* (1999) đã khuyến cáo rằng không nên trồng rừng ngập mặn trên diện tích đang hình thành các bãi bồi.

Các giá trị khác

Khu vực Bãi Bồi có giá trị bảo vệ bờ biển và hiện đang được quản lý với mục đích tăng cường các giá trị này. Khu vực này còn có tiềm năng đối với du lịch, vui chơi giải trí, giáo dục bảo tồn thiên nhiên và nghiên cứu khoa học.

Các dự án có liên quan

Nguồn tài chính sử dụng cho các hoạt động của ban quản lý rừng phòng hộ ven bờ biển chủ yếu là từ Chương trình 661 (Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng của Chính phủ). Trước đây, nguồn tài chính cho các hoạt động này là của Chương trình 327.

Dự án bảo vệ và phát triển vùng đất ngập nước ven biển được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới (World Bank) do Bộ Nông nghiệp & PTNT thực hiện được tiến hành ở 4 tỉnh thuộc lưu vực sông Cửu Long, trong đó có tỉnh Cà Mau. Khu vực Bãi Bồi có thể nằm trong vùng dự án với các hoạt động bước đầu là bảo vệ rừng ngập mặn ven biển. Bất kỳ một hoạt động nào của dự án phát triển này cũng sẽ làm xáo trộn môi trường tự nhiên mang lại hậu quả tiêu cực đối với giá trị đa dạng

sinh học trong khu vực. Bởi vậy, các giải pháp an toàn cho các sinh cảnh cần phải được kết hợp chặt chẽ trong dự án nhằm giảm nhẹ mối đe dọa đối với đa dạng sinh học.

Tài liệu tham khảo

Buckton, S. T., Nguyen Cu, Ha Quy Quynh and Nguyen Duc Tu (1999) [The conservation of key wetland sites in the Mekong Delta](#). Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme.

Buckton, S. T., Nguyen Cu, Ha Quy Quynh and Nguyen Duc Tu (2000) [\[The conservation of key wetland sites in the Mekong Delta\]](#). Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme. In Vietnamese.

Ca Mau Provincial FPD (2000) [FPD questionnaire]. Ca Mau: Ca Mau Provincial Forest Protection Department. In Vietnamese.

Lekagul, B. and Round, P. D. (1991) A guide to the birds of Thailand. Bangkok: Saha Karn Bhaet Co. Ltd.

Scott, D. A. (1989) A directory of Asian wetlands. Gland: IUCN.

Thewlis, R. M., Timmins, R. J., Evans, T. D. and Duckworth, J. W. (1998) The conservation and status of birds in Laos: a review of key species. Bird Conservation International 8: 1-159.

van Balen, B., Suwelo, I. S., Hadi, D. S., Soepomo, D., Arlon, R. M. and Mutiarina (1993) The decline of the Brahminy Kite *Haliastur indus* on Java. Forktail 8: 83-88.